

ĐIỂM SÁCH

**CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
CỦA CÁC CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
PHONG KIẾN VIỆT NAM (X-XIX)**

LÊ THANH

Nước ta là một quốc gia thống nhất, đa dân tộc. Các dân tộc ở Việt Nam, ngoài người Việt (Kinh) và người Hoa sống ở đồng bằng, đô thị, còn lại các dân tộc khác chủ yếu sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số có vị trí “phên dậu” của đất nước. Đó là địa bàn có ý nghĩa chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái. Nhận thức được tầm quan trọng của vùng đất biên viễn, nên từ xa xưa ông cha ta luôn có những chính sách riêng đối với vùng đất này, nhằm thống nhất quốc gia, xây dựng mối đoàn kết đại dân tộc, tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm. Nhận thức sâu sắc những nhân tố hợp lý, những yếu tố tiến bộ trong chính sách dân tộc của ông cha ta sẽ có ý nghĩa thiết thực trong quá trình quán triệt, thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

Cuốn sách *Chính sách dân tộc của các chính quyền nhà nước phong kiến Việt Nam (X-XIX)* của GS. TS Phan Hữu Dật và TS. Lâm Bá Nam (*), được trình bày theo một trình tự thời gian. Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Phụ lục, sách gồm có 4 chương: Chương I: *Cội nguồn hình thành chính sách dân tộc*, Chương II: *Chính sách dân tộc dưới*

thời Lý, Trần, Hồ, Chương III: *Chính sách dân tộc thời Lê - Trịnh, Tây Sơn*, và Chương IV: *Chính sách dân tộc thời Nguyễn*.

Từ cội nguồn hình thành chính sách dân tộc, các tác giả cho rằng “các Nhà nước đầu tiên của Việt Nam đã là Nhà nước đa dân tộc”; “Trên lãnh thổ Việt Nam, từ rất sớm đã xuất hiện các nhóm cư dân thuộc ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Môn - Khơme, Mã Lai - Đa Đảo”; và “Trong những biến động của lịch sử, mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta bao giờ cũng gắn liền với sự tồn tại của cộng đồng hoặc “liên cộng đồng” với ý thức: *Bầu ơi thương lấy bí cùng / Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”. Theo các tác giả, nguồn tài liệu hiện có chưa cho chúng ta biết chính xác các chính sách của thời Trung Vương đối với các dân tộc khác Việt, chỉ biết rằng, chính quyền của Hai Bà đã quản lý được hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, đồng thời giảm thuế cho hai quận này. Đến giữa thế kỷ VI, với sự ra đời của nước Vạn Xuân, Nhà nước đã trao quyền cho các tướng lĩnh coi giữ các vùng đất thì “*có thể coi đây là một trong những chính sách đầu tiên mà các chính quyền Nhà nước áp dụng đối với các dân tộc thiểu số và các dân tộc láng giềng*”. Trải qua 1000 năm Bắc thuộc, cộng đồng các dân tộc Việt Nam luôn luôn giữ gìn ý thức về một cộng đồng quốc

* Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, khổ 13 x 19cm, 128 trang.

gia được xác lập, bảo tồn và phát huy qua các thời kỳ độc lập tự chủ, từ Họ Khúc đến Ngô, Đinh, Tiền Lê. Suốt từ thuở dựng nước đến thời Tiền Lê, ông cha ta đã đương đầu với nhiều gian lao thử thách và trong một quốc gia đa dân tộc, đòi hỏi chính quyền nhà nước phong kiến Đại Việt phải có những quyết sách thích hợp vì sự tồn vong và phát triển của đất nước. Tuy vậy trong thời kỳ này chính sách dân tộc được hình thành trên hai yếu tố: độc lập quốc gia và củng cố nhà nước độc lập – vừa thống nhất vừa tập trung. Các tác giả kết luận, “chính sách dân tộc chỉ có thể ra đời một cách thật sự khi ông cha ta bắt tay xây dựng *Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền* từ thế kỷ XI”.

Dưới thời Lý, Trần, Hồ, chính sách dân tộc trở thành quốc sách. Chính sách cơ bản của nhà nước phong kiến thời kỳ này là “củng cố quốc gia thống nhất bằng cách ra sức tranh thủ các tù trưởng và thủ lĩnh, để thông qua đó thắt chặt khối đoàn kết dân tộc và mở rộng ảnh hưởng quyền lực của triều đình trung ương tới vùng miền núi, biên viễn”.

Các vương triều Lý, Trần, Hồ đã “từng bước tiến hành các biện pháp nhằm giải quyết có hiệu quả vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc”. Tùy vào “điều kiện lịch sử, mỗi giai đoạn có những hình thức riêng như tranh thủ, ràng buộc các dân tộc thiểu số (qua hôn nhân dưới thời Lý) hay võ vè, buộc quy phục (thời Lý và Trần). Để tạo nên sự thống nhất, chống các mầm mống cát cứ, các vương triều Lý, Trần, Hồ đã sử dụng các biện pháp cứng rắn để đè bẹp các cuộc nổi dậy của các dân tộc thiểu số”. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, nói chung còn “thiếu chính sách đồng bộ đối với vùng miền núi và dân tộc, khu vực

này mới chỉ được nhìn nhận với tư cách là đối tượng khai thác mà không hề có các biện pháp tăng cường sức dân. Chính điều đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự phản kháng của nhiều dân tộc trên nhiều địa bàn biên viễn”.

Trong Chương III, khi đề cập đến chính sách dân tộc dưới thời Lê Sơ, Lê - Trịnh và Tây Sơn, các tác giả đã dành nhiều trang để nói về Bộ luật Hồng Đức và đánh giá, với bộ luật này, chính sách đối với các dân tộc thiểu số đã được xác định rõ. Trải qua 4 thế kỷ (XV - XVIII), các vương triều Lê - Trịnh, Tây Sơn đã đưa “chính sách dân tộc tiến thêm một bước khác với thời Lý, Trần, Hồ”. Trong giai đoạn này ông cha ta đã bắt tay xây dựng chính quyền nhà nước phong kiến trung ương tập quyền với quy mô lớn hơn và từng bước với tay tới các dân tộc thiểu số một cách trực tiếp hơn. “Chính sách ràng buộc qua hôn nhân trước đây không còn được thực thi, thay vào đó Nhà nước phong kiến sử dụng quyền lực để đè bẹp nạn cát cứ nhằm thống nhất giang sơn, củng cố nền độc lập dân tộc.” Đồng thời, “Nhà nước đã có chính sách đúng đắn với các hiền tài miền phen dậu” - ban cho họ chức tước cao và trực thuộc quyền quản lý của triều đình. Ngoài ra, chính sách dân tộc trong thời kỳ này cũng đã đưa ra hàng loạt biện pháp nhằm giải quyết mối quan hệ dân tộc như: chính sách lương thực, thuế khoá, đăng lính, ưu tiên trong thi cử đối với vùng dân tộc thiểu số, biên viễn.

Trong Chương IV, các tác giả đặc biệt chú ý đến thời Minh Mạng. Minh Mạng, với quan điểm “*nhất thị đồng nhân*” luôn quán triệt, tiến hành nhiều biện pháp khéo léo, cụ thể đối với từng dân tộc, từng vùng dân tộc. Chính sách này thông qua nhiều biện pháp, từ cải cách hành chính, bộ máy cai trị đến

việc Việt hoá các địa danh, từ quy định cách ăn, mặc cho đến việc đặt tên họ. Chính sách dân tộc đó đã kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng quốc phòng, giữ gìn biên cương.

Phần Kết luận, các tác giả đã đưa ra nhiều ý kiến xác đáng. Các tác giả cho rằng, đặc điểm cơ bản trong chính sách dân tộc của các vương triều phong kiến Việt Nam là:

- Ràng buộc, thu phục các tù trưởng dân tộc thiểu số, phủ dụ dân chúng.
- Sử dụng sức mạnh của nhà nước trung ương, chống xu hướng ly khai cát cứ, để thống nhất quốc gia.
- Giải quyết vấn đề dân tộc gắn liền với điều kiện lịch sử.

Tuy chưa hoàn toàn đầy đủ, cuốn sách *Chính sách dân tộc của các chính quyền Nhà nước phong kiến Việt Nam (X-XIX)*, cũng phản ánh được những bài học, những kinh nghiệm lịch sử quý báu mà các triều đại phong kiến đã để lại về vấn đề dân tộc, giải quyết các quan hệ dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc. Cuốn sách này là một tài liệu tham khảo bổ ích không chỉ cho các nhà khoa học, cán bộ làm chính sách dân tộc ở Trung ương và địa phương mà còn có ích cho nhiều bạn đọc quan tâm.

AN TOÀN LƯƠNG... (tiếp theo trang 17)

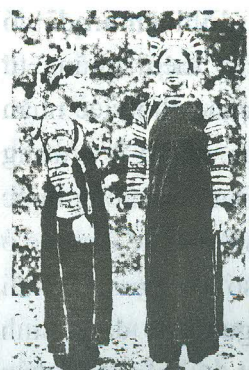
11. Miriam Kahn. 1986. *Always hungry, never greedy*. Cambridge University Press.
12. Jonathan Rigg. 2001. *Food security, vulnerability and risk : linking food, poverty and livelihoods*. Paper presented at the Workshop "Sustainable livelihoods in South-Aast Asia", Hanoi, April, 2001.
13. Đào Huy Khuê. 2001. *Bước đầu nghiên cứu về nhân khẩu học hình thái, thể lực của người Rơ-mã ở Việt Nam*. Tạp san Hình thái học, số 1.
14. Lê Du Phong, Hoàng Văn Hoa, Nguyễn Văn Áng. 2000. *Giải quyết vấn đề phân hoá giàu nghèo ở các nước và Việt Nam*. H, Nxb. Nông nghiệp.
15. Vương Xuân Tình. 1999. *Tập quán ăn uống của người Việt ở vùng Kinh Bắc xưa*. Luận án Tiến sĩ khoa học Lịch sử, chuyên ngành Dân tộc học.
16. Hữu Sơn. 1998. *Đặc điểm các môn ăn trong ngày lễ hội*. Tc. Dân tộc học. Số 1.
17. Mai Thanh Sơn. 1998. *Đôi nét về tập quán ăn uống của người Phù Lá*. Tc. Dân tộc học, Số 1.
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. 1995. *Báo cáo tình hình thực hiện 2 Dự án hỗ trợ cho đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn : dân tộc Brâu và Rơ-mã*. Số 19/BC-TK.



1



2



3



4

Phụ nữ các dân tộc: Hmông (1), Lô Lô (2), La Hủ (3), Si La (4)